

Số: 11/CBTT-SDG.2026

Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất năm 2025 như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025: không
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025.

Văn bản giải trình.

Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TT HCNS, TTTC;
- Website Công ty.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SADICO CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CBTT-SDG.2026

Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

*V/v giải trình BCTC HN
năm 2025*

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất năm 2025 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo bị lỗ, có thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1).

* Giải trình nguyên nhân: Trước áp lực cạnh tranh gay gắt, cung nhiều hơn cầu, doanh thu giảm, công ty thực hiện tăng cường chiết khấu bán hàng dẫn đến kết quả là lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TT HCNS, TTTC;
- Website Công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Công Toàn

1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025		SO SÁNH	
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.076.509.353.872	1.136.999.015.273	(60.489.661.401)	-5%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	61.881.705.107	52.120.185.890	9.761.519.217	19%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.014.627.648.765	1.084.878.829.383	(70.251.180.618)	-6%
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.029.748.254.260	1.057.179.293.415	(27.431.039.155)	-3%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(15.120.605.495)	27.699.535.968	(42.820.141.463)	-155%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.633.056.052	14.739.947.281	(7.106.891.229)	-48%
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.088.059.748	21.969.456.448	(5.881.396.700)	-27%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.486.059.748</i>	<i>19.762.955.659</i>	<i>(5.276.895.911)</i>	-27%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-		
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	24.678.297.000	26.366.266.259	(1.687.969.259)	-6%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	43.271.687.874	45.028.562.408	(1.756.874.534)	-4%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(91.525.594.065)	(50.924.801.866)		
12. Thu nhập khác	31	VI.8	32.674.950	90.043.917		
13. Chi phí khác	32	VI.9	17.329.252	786.528.401		
14. Lợi nhuận khác	40		15.345.698	(696.484.484)		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(91.510.248.367)	(51.621.286.350)		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		87.341.106	966.565.802		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	146.491.759	(181.063.785)		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(91.744.081.232)	(52.406.788.367)	(39.337.292.865)	-75%
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(46.140.103.735)	(26.629.757.866)		
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(45.603.977.497)	(25.777.030.501)		
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(4.550)	(2.815)		